

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai.

2. Bà Khuất Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1998; có mặt.

Địa chỉ: Thôn YM, xã BY, huyện TT, TP Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng G, sinh năm 1994; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn YM, xã BY, huyện TT, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2022 cùng các bản khai, biên bản hòa giải ngày 16/8/2022 và ngày 23/8/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng G kết hôn với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn ngày 20/4/2017 tại UBND xã HN, huyện TT, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không hợp nhau, tháng 11/2018 thì vợ chồng ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, chị phải bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở tại thôn YM, xã BY. Trong thời gian ly thân anh G có gọi chị về nhưng chị không về vì chị đã hết tình cảm với anh G. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/8/2017, chị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Hiện chị đang làm thẩm mỹ tại Hà Nội, thu nhập khoảng 10 triệu đồng mỗi tháng. Còn anh G làm gì chị không biết.

Về tài sản, công nợ: Chị và anh G không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ hai vợ chồng chị không yêu cầu xem xét.

Bị đơn anh Nguyễn Trọng G đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Ngày 08/8/2022 tòa án phối hợp với chính quyền địa phương xã BY lập biên bản về việc không ghi được lời khai của anh G.

Tại phiên tòa chị Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải Y.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện TT đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hải Y. Bị đơn anh Nguyễn Trọng G cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh G đã được thông báo và triệu tập nhiều lần theo quy định tại các Điều 174, 175, 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt, không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh G.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Nguyễn Trọng G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN, huyện TT, thành phố Hà Nội ngày 20/4/2017. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh G được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh G sinh sống cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách. Không chịu được nên chị Y đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã cùng hai bên gia đình phối hợp động viên chị Y gọi anh G về để giải quyết mâu thuẫn cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con cái. Song chị Y xác định không còn tình cảm với anh G nữa kiên quyết xin ly hôn.

Mặc dù không ghi được lời khai của anh G nhưng qua lời trình bày của bố đẻ anh G là ông Nguyễn Văn L và đại diện Hội phụ nữ xã cùng chính quyền thôn thì khi chị Y làm thủ tục nộp hồ sơ ly hôn tại Tòa án, anh G cũng xác định và có ý kiến đồng ý ly hôn và gửi cho chị Y căn cước công dân để chị Y làm thủ tục ly hôn. Chứng tỏ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa anh G và chị Y không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Hội đồng xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung: Xác định chị Y và anh G có 01 con chung là Nguyễn Yên N, sinh ngày 19/8/2017. Chị Y có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu N đang được chị Y nuôi dưỡng, anh G đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt ở nhà, để ổn định cho việc học hành và sinh hoạt của cháu nên giao cháu cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và hoàn cảnh thực tế của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chị Y không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G trong thời gian chị Y không yêu cầu.

2.3. Về tài sản, công sức nợ chung: Chị Y xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Anh G vắng mặt không có văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm về vấn đề tài sản, công nợ. Do vậy khi nào anh G, chị Y có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hải Y.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Trọng G.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/8/2017 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Vì chị Y không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh G trong thời gian chị Y không yêu cầu.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

1.4. Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0025337 ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã HN;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồng Thiết

